

THÔNG BÁO

Tuyển sinh chương trình Tiến sĩ - Đợt 4

Căn cứ Thông tư số 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ.

Trường Đại học Lạc Hồng thông báo tuyển sinh chương trình Tiến sĩ – Đợt 4 năm 2026 như sau:

I. NGÀNH ĐÀO TẠO

TT	Ngành đào tạo	Mã ngành	Chỉ tiêu	Hình thức tuyển sinh	Thời gian đào tạo
1	Quản trị kinh doanh	9340101	19	Xét tuyển	3,0 năm
2	Khoa học máy tính	9480101	06		
3	Tài chính – Ngân hàng	9340201	20		
4	Kỹ thuật xây dựng	9580201	18		

II. ĐIỀU KIỆN DỰ TUYỂN

Thí sinh dự tuyển trình độ tiến sĩ là công dân Việt Nam có lý lịch bản thân rõ ràng, hiện không bị truy cứu trách nhiệm hình sự, có đủ các điều kiện sau đây:

1. Yêu cầu chung đối với người dự tuyển

- Đã tốt nghiệp thạc sĩ ngành phù hợp hoặc tốt nghiệp trình độ tương đương bậc 7 theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam ở một số ngành đào tạo chuyên sâu đặc thù phù hợp với ngành đào tạo tiến sĩ;

- Có bằng thạc sĩ ngành phù hợp, khác ngành phải học bổ sung kiến thức sau khi trúng tuyển (*Phụ lục 01*);

- Có kinh nghiệm nghiên cứu thể hiện qua luận văn thạc sĩ của chương trình đào tạo định hướng nghiên cứu; hoặc bài báo, báo cáo khoa học đã công bố; hoặc có thời gian công tác từ 02 năm (24 tháng) trở lên là giảng viên, nghiên cứu viên của các cơ sở đào tạo, tổ chức khoa học và công nghệ;

- Có bản dự thảo đề cương nghiên cứu và dự kiến kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa.

2. Người dự tuyển là công dân Việt Nam phải đạt yêu cầu về năng lực ngoại ngữ được minh chứng bằng một trong những văn bằng, chứng chỉ sau:

- Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do một cơ sở đào tạo nước ngoài, phân hiệu của cơ sở đào tạo nước ngoài ở Việt Nam hoặc cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp cho người học toàn thời gian bằng tiếng nước ngoài;

- Bằng tốt nghiệp trình độ đại học ngành ngôn ngữ tiếng nước ngoài do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp;

- Có một trong các chứng chỉ ngoại ngữ quy định theo Quy chế này còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký dự tuyển hoặc các chứng chỉ ngoại ngữ khác tương đương trình độ bậc 4 (theo khung năng ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam) do Bộ Giáo dục Đào tạo công bố (Phụ lục 02).

3. Người dự tuyển là công dân nước ngoài nếu đăng ký theo học chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ bằng tiếng Việt phải có chứng chỉ tiếng Việt tối thiểu từ bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài và phải đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ thứ hai do cơ sở đào tạo quyết định, trừ trường hợp là người bản ngữ của ngôn ngữ được sử dụng trong chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ.

4. Hồ sơ dự tuyển

- Phiếu đăng ký dự tuyển (theo mẫu);
- Lý lịch khoa học (theo mẫu);
- Bản sao Bằng tốt nghiệp Đại học và Phụ lục văn bằng/Bảng điểm (có công chứng);
- Bản sao Bằng Thạc sĩ và Phụ lục văn bằng/Bảng điểm Thạc sĩ (có công chứng);
- Bản sao Văn bằng, chứng chỉ ngoại ngữ (có công chứng);
- Công văn cử đi dự tuyển (nếu có) (theo mẫu);
- Giấy chứng nhận đủ sức khỏe để học tập;
- Giấy chứng nhận thuộc đối tượng chính sách (nếu có);
- Hình thẻ 3x4 của thí sinh ghi rõ họ tên, ngày sinh, nơi sinh phía sau ảnh: 05 tấm;
- Bài luận về dự định nghiên cứu và đề cương nghiên cứu (in 06 bản);
- 06 bản công trình, bài báo khoa học liên quan đến lĩnh vực dự định nghiên cứu;
- Thư giới thiệu của nhà khoa học (nếu có);
- Bản sao Căn cước công dân.

5. Thời gian tuyển sinh:

- Phát, nhận hồ sơ: từ ngày ra thông báo đến 31/10/2026;
- Thời gian xét tuyển dự kiến: Cuối tháng 11/2026;
- Thời gian nhập học dự kiến: Tháng 12/2026.

(Thí sinh tốt nghiệp thạc sĩ ngành gần, ngành khác với ngành đăng ký dự tuyển phải học bổ sung kiến thức theo quy định.)

6. Lệ phí xét tuyển và Học phí

- Lệ phí xét tuyển: 5.000.000 đồng/thí sinh;

- Học phí học bổ sung kiến thức: 1.250.000 đồng/tín chỉ;

Thủ tục đăng ký: Đơn đăng ký học bổ sung kiến thức; Bằng tốt nghiệp đại học/thạc sĩ và Phụ lục văn bằng/Bảng điểm tốt nghiệp đại học/thạc sĩ (bản photo).

- Học phí:

TT	Ngành đào tạo	Mã ngành	Học phí	Ghi chú
1	Quản trị kinh doanh	9340101	70.000.000 đồng/năm	
2	Khoa học máy tính	9480101	70.000.000 đồng/năm	
3	Tài chính – Ngân hàng	9340201	70.000.000 đồng/năm	
4	Kỹ thuật xây dựng	9580201	70.000.000 đồng/năm	

III. CHÍNH SÁCH ƯU TIÊN

1. Chính sách chung

1.1 Đối tượng ưu tiên

a) Người có thời gian công tác liên tục từ 2 năm trở lên (tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi) tại các địa phương được quy định là Khu vực 1 trong Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành. Trong trường hợp này, thí sinh phải có quyết định tiếp nhận công tác hoặc điều động, biệt phái công tác của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền;

b) Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh;

c) Con liệt sĩ;

d) Anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động;

đ) Người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú từ 2 năm trở lên ở địa phương được quy định tại Điểm a;

e) Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học, được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt, học tập do hậu quả của chất độc hoá học.

1.2 Chính sách ưu tiên

Người dự tuyển thuộc đối tượng ưu tiên (bao gồm cả người thuộc nhiều đối tượng ưu tiên) được ưu tiên xét tuyển theo thứ tự như tại mục IV.1 của Thông báo này.

2. Đối với giảng viên, nhân viên trường Đại học Lạc Hồng

Giảm 50% học phí/04 năm học chính thức;

Giảm 50% học phí Văn bằng 2 tiếng Anh (trong suốt thời gian làm việc tại trường);

Giảm 20% học phí ôn thi và 50% lệ phí thi Chứng chỉ tiếng Anh 6 bậc (trong suốt thời gian làm việc tại trường).

(Ghi chú: Chính sách áp dụng theo Quyết định số 875/QĐ-ĐHLH ngày 05 tháng 9 năm 2023)

IV. THÔNG TIN LIÊN HỆ:

- Trung tâm Tuyển sinh và Quan hệ công chúng - Trường Đại học Lạc Hồng
- Địa chỉ: Cơ sở 1, số 10 Huỳnh Văn Nghệ, phường Trăn Biên, thành phố Đồng Nai
- Website: <http://tuyensinh.lhu.edu.vn> hoặc <https://saudaihoc.lhu.edu.vn/>
- Email: tuyensinh@lhu.edu.vn hoặc sdh@lhu.edu.vn
- Điện thoại văn phòng: 02513.952.188 - 02513.951.924
- Hotline/Zalo: 0981.50.33.99 - 0937.59.33.86

Nơi nhận:

- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Đơn vị quan tâm;
- www.lhu.edu.vn;
- Khoa SĐH;
- Lưu: VT, TT TS&QHCC, (274).



LÂM THÀNH HIỀN



Phụ lục 01

Danh mục ngành phù hợp với ngành đào tạo trong tuyển sinh và đào tạo trình độ Tiến sĩ

Stt	Ngành đào tạo	Ngành phù hợp	Ngành gần và ngành khác phải học bổ sung kiến thức trước khi dự tuyển	
			Tên ngành	Danh mục môn học bổ sung kiến thức
1	Quản trị kinh doanh	1. Quản trị kinh doanh (8340101) 2. Marketing (8340115) 3. Kinh doanh thương mại (8340121) 4. Quản trị nhân lực (8340404) 5. Quản trị văn phòng (8340406) 6. Quản lý công nghiệp (8510601) 7. Logistics và quản lý chuỗi cung ứng (8510605) 8. Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành (8810103) 9. Quản trị nhà hàng- khách sạn (8810202)	Ngành gần 1. Kinh tế học (8310101) 2. Kinh tế chính trị (8310102) 3. Kinh tế đầu tư (8310104) 4. Kinh tế phát triển (8310105) 5. Kinh tế quốc tế (8310106) 6. Thống kê kinh tế (8310107) 7. Toán kinh tế (8310108) 8. Tài chính - Ngân hàng (8340201) 9. Bảo hiểm (8340204) 10. Kế toán (8340301) 11. Kiểm toán (8340302) 12. Khoa học quản lý (8340401) 13. Hệ thống thông tin quản lý (8340405) 14. Quản lý kinh tế (8340410) 15. Quản lý khoa học và công nghệ (8340412) 16. Quản lý an toàn và sức khỏe nghề nghiệp (8340417) 17. Quản lý Hệ thống thông tin (8480205) 18. Quản lý năng lượng (8510602) 19. Kinh tế xây dựng (8580301) 20. Quản lý xây dựng (8580302) 21. Kinh tế nông nghiệp (8620115) 22. Kinh tế thủy sản (8620305) 23. Kinh tế du lịch (8810101) 24. Tổ chức và quản lý vận tải (8840103) 25. Kinh tế tài nguyên và môi trường	Môn học bổ sung kiến thức: 1. Quản trị tài chính (4 tín chỉ) 2. Quản trị chiến lược (4 tín chỉ) 3. Quản trị sản xuất và điều hành (4 tín chỉ)

Stt	Ngành đào tạo	Ngành phù hợp	Ngành gần và ngành khác phải học bổ sung kiến thức trước khi dự tuyển	
			(8850102) 26. Kinh tế ngoại thương 27. Kinh tế thương nghiệp 28. Chứng khoán 29. Kinh tế kế hoạch đầu tư và các ngành kinh tế khác 30. Khác (83490)	
			Ngành khác: Những ngành đào tạo bậc Thạc sĩ có liên quan đến kinh doanh, quản lý, quản trị, kinh tế khác nhưng chưa được liệt kê trong ngành phù hợp và ngành gần sẽ do Hội đồng tuyển sinh xem xét và quyết định.	Môn học bổ sung kiến thức: 1. Quản trị chuỗi cung ứng (4 tín chỉ) 2. Quản trị tài chính (4 tín chỉ) 3. Quản trị chiến lược (4 tín chỉ) 4. Quản trị sản xuất và điều hành (4 tín chỉ) 5. Quản trị nguồn nhân lực (4 tín chỉ)
2	Khoa học máy tính	1. Khoa học máy tính (8480101) 2. Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu (8480102) 3. Kỹ thuật phần mềm (8480103) 4. Hệ thống thông tin (8480104) 5. Kỹ thuật máy tính (8480106) 6. Trí tuệ nhân tạo (8480107) 7. Công nghệ thông tin (8480201) 8. An toàn thông tin (8480202) 9. Quản lý công nghệ thông tin (8480204) 10. Quản lý Hệ thống thông tin (8480205) 11. Khoa học tính toán (8460107) 12. Khoa học dữ liệu (8480108)	Ngành gần 1. Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa (8420216) 2. Kỹ thuật cơ điện tử (8520114) 3. Kỹ thuật hình ảnh y học (8720602) 4. Bản đồ viễn thám và hệ thống thông tin địa lý (8440214) 5. Lý thuyết xác suất thống kê toán học (8460106) 6. Thống kê (8460201)	Môn học bổ sung kiến thức: 1. Xử lý ảnh và ứng dụng (4 tín chỉ) 2. Học máy và ứng dụng (4 tín chỉ) 3. Phương pháp toán học tính toán (4 tín chỉ) 4. Khai thác dữ liệu và ứng dụng (4 tín chỉ)

Stt	Ngành đào tạo	Ngành phù hợp	Ngành gần và ngành khác phải học bổ sung kiến thức trước khi dự tuyển	
		13. Cơ sở toán học cho tin học (8460110) 14. Toán ứng dụng (8460112) 15. Toán tin (8460117)		
3	Tài chính - Ngân hàng	1. Tài chính - Ngân hàng 2. Bảo hiểm	Ngành gần 1. Quản trị kinh doanh 2. Kinh doanh thương mại 3. Kế toán 4. Khoa học quản lý 5. Chính sách công 6. Quản lý công 7. Quản trị nhân lực 8. Hệ thống thông tin quản lý 9. Quản trị văn phòng 10. Quản lý khoa học công nghệ 11. Kinh tế học 12. Kinh tế chính trị 13. Kinh tế đầu tư 14. Kinh tế phát triển 15. Kinh tế quốc tế 16. Thống kê kinh tế 17. Toán kinh tế 18. Luật kinh tế 19. Quản lý công nghiệp 20. Logistics và quản lý chuỗi cung ứng 21. Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành 22. Kinh tế vận tải 23. Kinh tế xây dựng 24. Quản lý xây dựng 25. Kinh tế nông nghiệp 26. Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành 27. Tổ chức và quản lý vận tải 28. Quản lý tài nguyên và môi trường	Môn học bổ sung kiến thức: Học phần bắt buộc: 1. Tiền tệ ngân hàng và Thị trường tài chính (4 tín chỉ) 2. Quản trị ngân hàng hiện đại (4 tín chỉ) 3. Tài chính doanh nghiệp nâng cao (4 tín chỉ) Học phần tự chọn (chọn 1 trong 2 học phần): 1. Quản trị rủi ro ngân hàng (3 tín chỉ) 2. Thẩm định dự án nâng cao (3 tín chỉ)

Stt	Ngành đào tạo	Ngành phù hợp	Ngành gần và ngành khác phải học bổ sung kiến thức trước khi dự tuyển	
			29. Quản lý tài nguyên rừng 30. Quản lý thủy sản 31. Thí sinh có bằng đại học là ngành phù hợp với ngành Tài chính - Ngân hàng nhưng theo hướng ứng dụng.	
		Đối với người chưa có bằng Thạc sĩ (có bằng Đại học chuyên ngành phù hợp với chuyên ngành Tài chính - Ngân hàng) hoặc có bằng Thạc sĩ nhưng ngành đào tạo khác với ngành Tài chính - Ngân hàng.	Môn học bổ sung kiến thức: <u>Học phần bắt buộc:</u> 1. Triết học (4 tín chỉ) 2. Tiền tệ ngân hàng và Thị trường tài chính (4 tín chỉ) 3. Luật kinh tế - Tài chính - Kế toán (4 tín chỉ) 4. Phương pháp nghiên cứu (4 tín chỉ) 5. Đầu tư tài chính và quản lý danh mục đầu tư (4 tín chỉ) 6. Quản trị ngân hàng hiện đại (4 tín chỉ) 7. Phân tích chính sách thuế (4 tín chỉ) <u>Học phần tự chọn (Chọn 2 trong 4 học phần):</u> 1. Tài chính doanh nghiệp nâng cao (4 tín chỉ) 2. Tài chính công (4 tín chỉ) 3. Tài chính quốc tế nâng cao (4 tín chỉ) 4. Kinh tế lượng nâng cao (4 tín chỉ) <u>Học phần tự chọn (Chọn 3 trong 5 học phần):</u> 1. Quản trị rủi ro ngân hàng (3 tín chỉ) 2. Tài chính phái sinh và quản trị rủi ro tài chính (3 tín chỉ) 3. Thẩm định dự án nâng cao (3 tín chỉ) 4. Tài chính hành vi (3 tín chỉ) 5. Kỹ năng lãnh đạo và quản lý (3 tín chỉ)	

Stt	Ngành đào tạo	Ngành phù hợp	Ngành gần và ngành khác phải học bổ sung kiến thức trước khi dự tuyển	
4	Kỹ thuật xây dựng	1. Kỹ thuật xây dựng 2. Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông 3. Kỹ thuật cơ sở hạ tầng 4. Địa Kỹ thuật xây dựng 5. Công nghệ Kỹ thuật xây dựng 6. Kỹ thuật xây dựng công trình thủy 7. Kỹ thuật xây dựng công trình biển 8. Kỹ thuật xây dựng công trình ngầm 9. Kỹ thuật xây dựng công trình đặc biệt 10. Kỹ thuật tài nguyên nước 11. Kỹ thuật cấp thoát nước 12. Xây dựng công trình DD&CN	1. Quản lý đô thị và công trình 2. Kinh tế xây dựng 3. Quản lý xây dựng 4. Kiến trúc 5. Kiến trúc đô thị 6. Cơ kỹ thuật	Môn học bổ sung kiến thức: 1. Phương pháp phần tử hữu hạn (3 tín chỉ) 2. Cơ học kết cấu nâng cao (3 tín chỉ) 3. Cơ học đất nâng cao (3 tín chỉ) 4. Kết cấu bê tông cốt thép nâng cao (3 tín chỉ)
			- Trường hợp đối tượng tuyển sinh tốt nghiệp đại học loại giỏi thì phải bổ sung thêm các học phần thuộc khối kiến thức cơ sở và kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Kỹ thuật xây dựng của Trường Đại học Lạc Hồng.	



Phụ lục 02

Danh sách chứng chỉ tiếng nước ngoài minh chứng cho trình độ ngoại ngữ của người dự tuyển Tiến sĩ

Stt	Ngôn ngữ	Bảng/Chứng chỉ/Chứng nhận	Trình độ/Thang điểm	Ghi chú
1	Tiếng Anh	TOEFL iBT	Từ 46 trở lên	TT: 23/2021/TT-BGDĐT ngày 3 tháng 8 năm 2021
		IELTS	Từ 5.5 trở lên	
		Cambridge Assessment English	B2 First/B2 Business Vantage/Linguaskill Thang điểm: từ 160 trở lên	
		Aptis ESOL International Certificate	Từ bậc 4 trở lên (B2 trở lên)	QĐ số: 927/QĐ-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2023
		Pearson Test of English Academic	Từ bậc 4 trở lên (từ 59 điểm)	QĐ số: 2383/QĐ-BGDĐT ngày 30 tháng 8 năm 2024
		Pearson English International Certificate (PEIC)	Level 3	QĐ số: 93/QĐ-BGDĐT ngày 05 tháng 1 năm 2024
2	Tiếng Pháp	CIEP/Alliance française diplomas	TCF từ 400 trở lên DELF B2 trở lên Diplôme de Langue	TT: 23/2021/TT-BGDĐT ngày 3 tháng 8 năm 2021
3	Tiếng Đức	Goethe -Institut	Goethe- Zertifikat B2 trở lên	
		The German TestDaF language certificate	TestDaF level 4 (TDN 4) trở lên	
4	Tiếng Trung Quốc	Chinese Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	HSK level 4 trở lên	
5	Tiếng Nhật	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	N3 trở lên	
6	Tiếng Nga	ТРКИ - Тест по русскому языку как иностранному (TORFL - Test of Russian as a Foreign Language)	ТРКИ-2 trở lên	